

QUYẾT ĐỊNH

Công bố công khai Quyết định phân bổ kinh phí thực hiện hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS HIỆP HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2291/QĐ-PGDĐT ngày 23/12/2022 V/v phân bổ kinh phí thực hiện hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022,

Xét đề nghị của Tổ văn phòng công khai về việc cấp kinh phí thực hiện hỗ trợ học phí theo Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022; Danh sách đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ học phí kỳ I/2022-2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai V/v phân bổ kinh phí thực hiện hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022. (nguồn 15)
(đính kèm biểu số 02 Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ văn phòng(Kế toán) có trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Quảng Yên;
- Như điều 3(T/h) ;
- Lưu VP.



Đào Thị Hà

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 125/QĐ-THCS HH ngày 25/12/2022 của Trường THCS Hiệp Hòa)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Học phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
1	Học phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	251,6
I	Nguồn ngân sách trong nước	251,6
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	251,6
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	251,6

Số: 2291/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 23 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí thực hiện hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh học kỳ I, năm học 2022-2023

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 5028/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách thị xã và ngân sách xã, phường năm 2022; Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 8407/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc cấp hỗ trợ kinh phí cho Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã thực hiện hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 học kỳ I của HĐND tỉnh, năm học 2022-2023;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường mầm non, trung học cơ sở, tiểu học và trung học cơ sở về việc cấp kinh phí thực hiện hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh học kỳ I, năm học 2022-2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí thực hiện hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh học kỳ I, năm học 2022-2023 cho các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở, tổng kinh phí: 13.705.800.000 đồng (Mười ba tỷ, bảy trăm linh năm triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ kinh phí dự toán chi ngân sách năm 2022 được phân bổ, các trường tổ chức thực hiện sử dụng kinh phí đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường Mầm non, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/h);
- Phòng TC-KH, KBNN;
- Lưu: VT, KT (02)/.



Phụ lục



**PHÂN BỐ KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 01/2022/NQ-HĐND
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Quyết định số 2291/QĐ-PGDĐT ngày 23/12/2022 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã)

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bố
I	Khối mầm non					6.011.900.000
1	Trường Mầm non Cộng Hòa	1105749	622	071	15	510.000.000
2	Trường Mầm non Hà An	1105742	622	071	15	552.900.000
3	Trường Mầm non Hoàng Tân	1105733	622	071	15	104.600.000
4	Trường Mầm non Minh Thành	1105730	622	071	15	561.600.000
5	Trường Mầm non Liên Vị	1105736	622	071	15	137.000.000
6	Trường Mầm non Phong Cốc	1105745	622	071	15	432.600.000
7	Trường Mầm non Phong Hải	1105739	622	071	15	400.200.000
8	Trường Mầm non Tiền An	1105738	622	071	15	137.500.000
9	Trường Mầm non Yên Giang	1105732	622	071	15	247.500.000
10	Trường Mầm non Đông Mai	1105740	622	071	15	480.000.000
11	Trường Mầm non Cẩm La	1105743	622	071	15	112.800.000
12	Trường Mầm non Hiệp Hòa	1105735	622	071	15	242.000.000
13	Trường Mầm non Liên Hòa	1105746	622	071	15	145.400.000
14	Trường Mầm non Nam Hòa	1105741	622	071	15	294.600.000
15	Trường Mầm non Sông Khoai	1105731	622	071	15	259.400.000
16	Trường Mầm non Tân An	1105737	622	071	15	347.700.000
17	Trường Mầm non Tiền Phong	1105748	622	071	15	49.200.000
18	Trường Mầm non Yên Hải	1105747	622	071	15	376.200.000
19	Trường Mầm non Hoa Hồng	1105734	622	071	15	620.700.000
II	Khối Trung học cơ sở					7.369.100.000
1	Trường Trung học cơ sở Đông Mai	1027586	622	073	15	607.200.000
2	Trường Trung học cơ sở Trần Hưng Đạo	1027582	622	073	15	621.600.000
3	Trường Trung học cơ sở Phong Cốc	1027585	622	073	15	493.200.000
4	Trường Trung học cơ sở Tiền An	1025843	622	073	15	154.200.000
5	Trường Trung học cơ sở Cộng Hòa	1025849	622	073	15	718.200.000
6	Trường Trung học cơ sở Phong Hải	1025838	622	073	15	482.100.000

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS HIỆP HÒA

DANH SÁCH

**Đề nghị hỗ trợ học phí Học kỳ I năm học 2022-2023 theo quy định tại
Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ(trẻ em/học sinh/sinh viên)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ(đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
1	Bùi Kim An	6A	4	100.000	400.000	
2	Nguyễn Kim Anh	6A	4	100.000	400.000	
3	Nguyễn Thị Ngọc Anh	6A	4	100.000	400.000	
4	Bùi Hồng Ân	6A	4	100.000	400.000	
5	Bùi Quang Bình	6A	4	100.000	400.000	
6	Nguyễn Tiến Dũng	6A	4	100.000	400.000	
7	Đinh Thị Ánh Dương	6A	4	100.000	400.000	
8	Nguyễn Tiến Đạt	6A	4	100.000	400.000	
9	Bùi Thị Hồng Hoa	6A	4	100.000	400.000	
10	Bùi Đức Huy	6A	4	100.000	400.000	
11	Đinh Việt Hùng	6A	4	100.000	400.000	
12	Lê Vũ Thái Hưng	6A	4	100.000	400.000	
13	Bùi Phương Linh	6A	4	100.000	400.000	
14	Bùi Nguyễn Quỳnh Ly	6A	4	100.000	400.000	
15	Đoàn Thị Khánh Ly	6A	4	100.000	400.000	
16	Bùi Gia Minh	6A	4	100.000	400.000	
17	Bùi Nhật Minh	6A	4	100.000	400.000	
18	Triệu Quang Minh	6A	4	100.000	400.000	
19	Nguyễn Thị Kim Ngân	6A	4	100.000	400.000	
20	Đinh Công Nghĩa	6A	4	100.000	400.000	
21	Dương Ánh Ngọc	6A	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/sinh viên)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
22	Bùi Đức Phong	6A	4	100.000	400.000	
23	Nguyễn Vũ Minh Quân	6A	4	100.000	400.000	
24	Đinh Thị Thu Quỳnh	6A	4	100.000	400.000	
25	Bùi Thị Minh Tâm	6A	4	100.000	400.000	
26	Đinh Đức Tân	6A	4	100.000	400.000	
27	Bùi Phương Thảo	6A	4	100.000	400.000	
28	Đinh Gia Thiện	6A	4	100.000	400.000	
29	Đinh Thanh Thư	6A	4	100.000	400.000	
30	Đinh Vũ Linh Trang	6A	4	100.000	400.000	
31	Đoàn Thanh Trúc	6A	4	100.000	400.000	
32	Bùi Duy Tùng	6A	4	100.000	400.000	
33	Lê Thị Thanh Tú	6A	4	100.000	400.000	
34	Bùi Thị Khánh Uyên	6A	4	100.000	400.000	
35	Nguyễn Thị Thanh Hương	6A	4	100.000	400.000	
36	Đinh Đức Hùng	6A	4	100.000	400.000	
37	Đinh Hoàng Tùng	6A	4	100.000	400.000	
38	Vũ Thị Bình An	6A	4	100.000	400.000	
39	Bùi Vân Anh	6A	4	100.000	400.000	
40	Đinh Đức Cường	6A	4	100.000	400.000	
41	Đinh Thị Ngọc Diệp	6A	4	100.000	400.000	
42	Lưu Mai Thanh Vân	6A	4	100.000	400.000	
43	Đinh Duy Nhân	6A	4	100.000	400.000	
44	Nguyễn Thị Huyền Trang	6A	4	100.000	400.000	
45	Bùi Tuấn Anh	6B	4	100.000	400.000	
46	Vũ Minh Anh	6B	4	100.000	400.000	
47	Vũ Ngọc Anh	6B	4	100.000	400.000	
48	Nguyễn Văn Bảo	6B	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/sinh viên)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
49	Nguyễn Bùi Thái Cường	6B	4	100.000	400.000	
50	Bùi Thị Ngọc Diệp	6B	4	100.000	400.000	
51	Phạm Văn Đức	6B	4	100.000	400.000	
52	Đinh Hoàng Dũng	6B	4	100.000	400.000	
53	Bùi Tiến Duy	6B	4	100.000	400.000	
54	Vũ Đức Duy	6B	4	100.000	400.000	
55	Bùi Thị Hương Giang	6B	4	100.000	400.000	
56	Bùi Đức Hải	6B	4	100.000	400.000	
57	Vũ Thanh Hằng	6B	4	100.000	400.000	
58	Đinh Thanh Hoa	6B	4	100.000	400.000	
59	Đinh Thanh Huyền	6B	4	100.000	400.000	
60	Hoàng Thị Khánh Huyền	6B	4	100.000	400.000	
61	Bùi Tuấn Khang	6B	4	100.000	400.000	
62	Bùi Thị Phương Linh	6B	4	100.000	400.000	
63	Đinh Diệu Linh	6B	4	100.000	400.000	
64	Đinh Khánh Linh	6B	4	100.000	400.000	
65	Vũ Thị Trúc Linh	6B	4	100.000	400.000	
66	Nguyễn Thành Lương	6B	4	100.000	400.000	
67	Đinh Khắc Mạnh	6B	4	100.000	400.000	
68	Bùi Đại Nghĩa	6B	4	100.000	400.000	
69	Bùi Duy Nguyễn	6B	4	100.000	400.000	
70	Vũ Duy Phong	6B	4	100.000	400.000	
71	Bùi Mạnh Quân	6B	4	100.000	400.000	
72	Nguyễn Thế Sinh	6B	4	100.000	400.000	
73	Đoàn Văn Sơn	6B	4	100.000	400.000	
74	Bùi Đức Tấn	6B	4	100.000	400.000	
75	Đinh Khắc Thái	6B	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/sinh viên)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
76	Lê Vũ Thi	6B	4	100.000	400.000	
77	Nguyễn An Thủy	6B	4	100.000	400.000	
78	Đinh Quang Tiến	6B	4	100.000	400.000	
79	Vũ Ngọc Tiến	6B	4	100.000	400.000	
80	Nguyễn Đăng Toàn	6B	4	100.000	400.000	
81	Đinh Thảo Trang	6B	4	100.000	400.000	
82	Nguyễn Thị Huyền Trang	6B	4	100.000	400.000	
83	Vũ Hoài Trang	6B	4	100.000	400.000	
84	Vũ Thùy Trang	6B	4	100.000	400.000	
85	Vũ Minh Vương	6B	4	100.000	400.000	
86	Bùi Tuấn Anh	6C	4	100.000	400.000	
87	Bùi Tuyết Anh	6C	4	100.000	400.000	
88	Nguyễn Trần Đức Anh	6C	4	100.000	400.000	
89	Phạm Vũ Việt Anh	6C	4	100.000	400.000	
90	Lê Mai Gia Ân	6C	4	100.000	400.000	
91	Nguyễn Thành Công	6C	4	100.000	400.000	
92	Bùi Việt Dũng	6C	4	100.000	400.000	
93	Nguyễn Chí Dũng	6C	4	100.000	400.000	
94	Nguyễn Tuấn Dũng	6C	4	100.000	400.000	
95	Bùi Phú Đạt	6C	4	100.000	400.000	
96	Nguyễn Đức Đạt	6C	4	100.000	400.000	
97	Nguyễn Thành Đạt	6C	4	100.000	400.000	
98	Bùi Hồng Đức	6C	4	100.000	400.000	
99	Bùi Thu Hiền	6C	4	100.000	400.000	
100	Nguyễn Đức Hoàng	6C	4	100.000	400.000	
101	Vũ Huy Hoàng	6C	4	100.000	400.000	
102	Bùi Ngọc Hồng	6C	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ(<i>trẻ em/học sinh/sinh viên</i>)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ(<i>đồng/tháng</i>)	Tổng số tiền học phí để nghị hỗ trợ	Ghi chú
103	Đoàn Thị Khánh Huyền	6C	4	100.000	400.000	
104	Bùi Bảo Lâm	6C	4	100.000	400.000	
105	Vũ Thị Hồng Linh	6C	4	100.000	400.000	
106	Đinh Gia Ngân	6C	4	100.000	400.000	
107	Đinh Thị Hồng Ngọc	6C	4	100.000	400.000	
108	Phạm Bích Ngọc	6C	4	100.000	400.000	
109	Vũ Hoàng Khánh Ngọc	6C	4	100.000	400.000	
110	Nguyễn Thanh Phong	6C	4	100.000	400.000	
111	Nguyễn Mai Phương	6C	4	100.000	400.000	
112	Đinh Thanh Thảo	6C	4	100.000	400.000	
113	Bùi Trinh Tâm	6C	4	100.000	400.000	
114	Nguyễn Ánh Tuyết	6C	4	100.000	400.000	
115	Nguyễn Gia Thiện	6C	4	100.000	400.000	
116	Trần Đức Thiện	6C	4	100.000	400.000	
117	Nguyễn Văn Thanh	6C	4	100.000	400.000	
118	Nguyễn Thị Mai Trang	6C	4	100.000	400.000	
119	Nguyễn Quang Ninh	6C	4	100.000	400.000	
120	Đinh Yến Nhi	6C	4	100.000	400.000	
121	Bùi Lệ Như Ý	6C	4	100.000	400.000	
122	Bùi Đăng Vinh	6C	4	100.000	400.000	
123	Hoàng Mạnh Quang	6C	4	100.000	400.000	
124	Đinh Thị Hải Yến	6C	4	100.000	400.000	
125	Phạm Ngọc Yến	6C	4	100.000	400.000	
126	Bùi Thị Bình	6D	4	100.000	400.000	
127	Bùi Hương Giang	6D	4	100.000	400.000	
128	Nguyễn Thị Thu Hà	6D	4	100.000	400.000	
129	Vũ Ngọc Hà	6D	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ(trẻ em/học sinh/sinh viên)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ(dòng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
130	Bùi Thu Hằng	6D	4	100.000	400.000	
131	Vũ Thị Hằng	6D	4	100.000	400.000	
132	Đình Thị Hiên	6D	4	100.000	400.000	
133	Đình Thúy Hồng	6D	4	100.000	400.000	
134	Đình Thanh Huế	6D	4	100.000	400.000	
135	Nguyễn Mai Hương	6D	4	100.000	400.000	
136	Nguyễn Thị Như Hương	6D	4	100.000	400.000	
137	Bùi Duy Khánh	6D	4	100.000	400.000	
138	Nguyễn Duy Khánh	6D	4	100.000	400.000	
139	Đình Ái Liên	6D	4	100.000	400.000	
140	Bùi Quang Long	6D	4	100.000	400.000	
141	Nguyễn Phú Lộc	6D	4	100.000	400.000	
142	Vũ Thị Huyền Mai	6D	4	100.000	400.000	
143	Đình Trung Nghĩa	6D	4	100.000	400.000	
144	Vũ Thị Yến Nhi	6D	4	100.000	400.000	
145	Bùi Đăng Ninh	6D	4	100.000	400.000	
146	Nguyễn Đức Phong	6D	4	100.000	400.000	
147	Phạm Thanh Phong	6D	4	100.000	400.000	
148	Vũ Ngọc Quỳnh	6D	4	100.000	400.000	
149	Phạm Thị Quỳnh	6D	4	100.000	400.000	
150	Nguyễn Xuân Sơn	6D	4	100.000	400.000	
151	Nguyễn Như Thành	6D	4	100.000	400.000	
152	Đình Thị Thanh Thảo	6D	4	100.000	400.000	
153	Đình Đức Thắng	6D	4	100.000	400.000	
154	Nguyễn Văn Tráng	6D	4	100.000	400.000	
155	Vũ Thành Văn	6D	4	100.000	400.000	
156	Nguyễn Văn Thành	6D	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ(trẻ em/học sinh/sinh viên)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ(đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
157	Bùi Anh Thư	6D	4	100.000	400.000	
158	Vũ Khánh Tình	6D	4	100.000	400.000	
159	Hoàng Đức Tuấn	6D	4	100.000	400.000	
160	Vũ Anh Duy Tùng	6D	4	100.000	400.000	
161	Nguyễn Thị Quỳnh Vân	6D	4	100.000	400.000	
162	Phạm Thị Bích Vân	6D	4	100.000	400.000	
163	Đinh Hà Vi	6D	4	100.000	400.000	
164	Nguyễn Thành Vinh	6D	4	100.000	400.000	
165	Nguyễn Đức Vương	6D	4	100.000	400.000	
166	Bùi Thị Nhật Vy	6D	4	100.000	400.000	
167	Bùi Thị Ngân Yến	6D	4	100.000	400.000	
168	Vũ Tuấn Anh	7A	4	100.000	400.000	
169	Hoàng Ngọc Ánh	7A	4	100.000	400.000	
170	Nguyễn Việt Bắc	7A	4	100.000	400.000	
171	Vũ Thanh Bình	7A	4	100.000	400.000	
172	Đinh Tiến Dũng	7A	4	100.000	400.000	
173	Nguyễn Huy Dương	7A	4	100.000	400.000	
174	Vũ Mạnh Đạt	7A	4	100.000	400.000	
175	Vũ Thành Đạt	7A	4	100.000	400.000	
176	Đinh Đức Đoàn	7A	4	100.000	400.000	
177	Nguyễn Đình Gia Đức	7A	4	100.000	400.000	
178	Nguyễn Minh Đức	7A	4	100.000	400.000	
179	Vũ Mạnh Đức	7A	4	100.000	400.000	
180	Đinh Thực Hương Giang	7A	4	100.000	400.000	
181	Nguyễn Thị Thùy Giang	7A	4	100.000	400.000	
182	Bùi Phương Hà	7A	4	100.000	400.000	
183	Vũ Thị Thanh Hằng	7A	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/sinh viên)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
184	Đình Nguyễn Bảo Hân	7A	4	100.000	400.000	
185	Bùi Thu Hiền	7A	4	100.000	400.000	
186	Vũ Mạnh Hiếu	7A	4	100.000	400.000	
187	Đình Huy Hoàng	7A	4	100.000	400.000	
188	Phạm Thị Hợp	7A	4	100.000	400.000	
189	Đình Thị Minh Huệ	7A	4	100.000	400.000	
190	Phạm Gia Huy	7A	4	100.000	400.000	
191	Vũ Thị Huyền	7A	4	100.000	400.000	
192	Vũ Thanh Huyền	7A	4	100.000	400.000	
193	Bùi Trịnh Hưng	7A	4	100.000	400.000	
194	Đình Thị Thu Hương	7A	4	100.000	400.000	
195	Đình Thị Thu Hương	7A	4	100.000	400.000	
196	Nguyễn Mai Lan	7A	4	100.000	400.000	
197	Đình Thị Hiền Lương	7A	4	100.000	400.000	
198	Hoàng Ánh Ngọc	7A	4	100.000	400.000	
199	Đình Ngọc Phương	7A	4	100.000	400.000	
200	Nguyễn Huyền Phương	7A	4	100.000	400.000	
201	Nguyễn Hoàng Sang	7A	4	100.000	400.000	
202	Nguyễn Việt Thắng	7A	4	100.000	400.000	
203	Nguyễn Thị Xuân Thủy	7A	4	100.000	400.000	
204	Bùi Trịnh Thường	7A	4	100.000	400.000	
205	Liêu Thanh Tiếp	7A	4	100.000	400.000	
206	Nguyễn Huyền Trang	7A	4	100.000	400.000	
207	Vũ Huyền Trang	7A	4	100.000	400.000	
208	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	7A	4	100.000	400.000	
209	Bùi Thị Ánh Tuyết	7A	4	100.000	400.000	
210	Nguyễn Thị Thanh Vân	7A	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ(<i>trẻ em/học sinh/sinh viên</i>)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ(<i>đồng/tháng</i>)	Tổng số tiền học phí để nghị hỗ trợ	Ghi chú
211	Nguyễn Bùi Phương Thảo	7A	4	100.000	400.000	
212	Nguyễn Thị Vân Anh	7B	4	100.000	400.000	
213	Triệu Ngọc Ánh	7B	4	100.000	400.000	
214	Vũ Văn Chiến	7B	4	100.000	400.000	
215	Nguyễn Quang Dũng	7B	4	100.000	400.000	
216	Đinh Văn Đô	7B	4	100.000	400.000	
217	Đinh Thị Minh Giang	7B	4	100.000	400.000	
218	Nguyễn Thị Thanh Giang	7B	4	100.000	400.000	
219	Nguyễn Thị Thanh Hiền	7B	4	100.000	400.000	
220	Nguyễn An Hiếu	7B	4	100.000	400.000	
221	Đinh Văn Hiệp	7B	4	100.000	400.000	
222	Nguyễn Văn Hiệu	7B	4	100.000	400.000	
223	Đinh Thị Hồng Hoa	7B	4	100.000	400.000	
224	Nguyễn Thị Thanh Hoa	7B	4	100.000	400.000	
225	Vũ Thị Lan Hoa	7B	4	100.000	400.000	
226	Vũ Thị Mai Hoa	7B	4	100.000	400.000	
227	Phạm Văn Hoàn	7B	4	100.000	400.000	
228	Vũ Đức Hoàng	7B	4	100.000	400.000	
229	Đinh Gia Huy	7B	4	100.000	400.000	
230	Nguyễn Thị Thanh Huyền	7B	4	100.000	400.000	
231	Bùi Mạnh Hùng	7B	4	100.000	400.000	
232	Nguyễn Đức Hùng	7B	4	100.000	400.000	
233	Nguyễn Tuấn Hưng	7B	4	100.000	400.000	
234	Vũ Thị Mai Hương	7B	4	100.000	400.000	
235	Đoàn Vũ Khang	7B	4	100.000	400.000	
236	Vũ Quốc Khánh	7B	4	100.000	400.000	
237	Nguyễn Tùng Lâm	7B	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ(trẻ em/học sinh/sinh viên)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ(dòng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
238	Đinh Văn Linh	7B	4	100.000	400.000	
239	Vũ Hữu Hoàng Long	7B	4	100.000	400.000	
240	Bùi Thị Phương Mai	7B	4	100.000	400.000	
241	Phạm Ngọc Oanh	7B	4	100.000	400.000	
242	Nguyễn Văn Trường Sơn	7B	4	100.000	400.000	
243	Nguyễn Thị Thanh Thảo	7B	4	100.000	400.000	
244	Đoàn Thị Kim Thoa	7B	4	100.000	400.000	
245	Vũ Quang Thủy	7B	4	100.000	400.000	
246	Vũ Minh Thư	7B	4	100.000	400.000	
247	Vũ Quang Tú	7B	4	100.000	400.000	
248	Vũ Anh Tuấn	7B	4	100.000	400.000	
249	Bùi Ánh Tuyết	7B	4	100.000	400.000	
250	Đinh Hoàng Tùng	7B	4	100.000	400.000	
251	Đinh Thế Văn	7B	4	100.000	400.000	
252	Vũ Thị Bích Vân	7B	4	100.000	400.000	
253	Bùi Thị Xuyên	7B	4	100.000	400.000	
254	Đinh Thế Anh	7C	4	100.000	400.000	
255	Nguyễn Đức Anh	7C	4	100.000	400.000	
256	Phạm Ngọc Chanh	7C	4	100.000	400.000	
257	Lê Minh Dũng	7C	4	100.000	400.000	
258	Đinh Thị Ánh Dương	7C	4	100.000	400.000	
259	Nguyễn Thành Đạt	7C	4	100.000	400.000	
260	Trần Quốc Đạt	7C	4	100.000	400.000	
261	Bùi Đình Đình	7C	4	100.000	400.000	
262	Nguyễn Việt Hoàng	7C	4	100.000	400.000	
263	Vũ Nhật Hoàng	7C	4	100.000	400.000	
264	Đinh Thúy Hòa	7C	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/sinh viên)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
265	Đoàn Thị Huệ	7C	4	100.000	400.000	
266	Nguyễn Gia Huy	7C	4	100.000	400.000	
267	Nguyễn Hoàng Quang Huy	7C	4	100.000	400.000	
268	Nguyễn Văn Hưng	7C	4	100.000	400.000	
269	Bùi Trịnh Nhân Kiệt	7C	4	100.000	400.000	
270	Bùi Mai Lan	7C	4	100.000	400.000	
271	Nguyễn Hải Long	7C	4	100.000	400.000	
272	Nguyễn Thành Luân	7C	4	100.000	400.000	
273	Đinh Thế Lực	7C	4	100.000	400.000	
274	Nguyễn Tuấn Minh	7C	4	100.000	400.000	
275	Bùi Trà My	7C	4	100.000	400.000	
276	Vũ Phương Nam	7C	4	100.000	400.000	
277	Nguyễn Bảo Ngọc	7C	4	100.000	400.000	
278	Bùi Trịnh Phong	7C	4	100.000	400.000	
279	Bùi Hữu Phúc	7C	4	100.000	400.000	
280	Lương Đình Phúc	7C	4	100.000	400.000	
281	Đinh Thị Thanh Phương	7C	4	100.000	400.000	
282	Bùi Đức Quang	7C	4	100.000	400.000	
283	Đinh Kiến Quốc	7C	4	100.000	400.000	
284	Vũ Văn Quyền	7C	4	100.000	400.000	
285	Vũ Mạnh Quyết	7C	4	100.000	400.000	
286	Vũ Thị Thanh	7C	4	100.000	400.000	
287	Bùi Phương Thảo	7C	4	100.000	400.000	
288	Đinh Thị Thanh Thúy	7C	4	100.000	400.000	
289	Vũ Minh Tới	7C	4	100.000	400.000	
290	Bùi Thị Huyền Trang	7C	4	100.000	400.000	
291	Đinh Thị Ngọc Trâm	7C	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/sinh viên)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
292	Đình Thị Trâm	7C	4	100.000	400.000	
293	Vũ Quốc Trọng	7C	4	100.000	400.000	
294	Nguyễn Thị Thanh Vân	7C	4	100.000	400.000	
295	Đình Thị Thanh Xuân	7C	4	100.000	400.000	
296	Bùi Minh Quân	7C	4	100.000	400.000	
297	Đình Bùi Thế Anh	7D	4	100.000	400.000	
298	Vũ Thị Lan Anh	7D	4	100.000	400.000	
299	Nguyễn Ngọc Ánh	7D	4	100.000	400.000	
300	Nguyễn Ngọc Ánh	7D	4	100.000	400.000	
301	Nguyễn Nhật Ánh	7D	4	100.000	400.000	
302	Nguyễn Khánh Duy	7D	4	100.000	400.000	
303	Nguyễn Quốc Dương	7D	4	100.000	400.000	
304	Nguyễn Văn Đạt	7D	4	100.000	400.000	
305	Đình Đức Hiếu	7D	4	100.000	400.000	
306	Bùi Mạnh Hùng	7D	4	100.000	400.000	
307	Nguyễn Trọng Huy	7D	4	100.000	400.000	
308	Bùi Gia Khánh	7D	4	100.000	400.000	
309	Đình Thị Minh Liên	7D	4	100.000	400.000	
310	Đình Thị Xuân Mai	7D	4	100.000	400.000	
311	Bùi Đức Mạnh	7D	4	100.000	400.000	
312	Hoàng Trung Mạnh	7D	4	100.000	400.000	
313	Vũ Đình Mạnh	7D	4	100.000	400.000	
314	Bùi Quang Minh	7D	4	100.000	400.000	
315	Nguyễn Trà My	7D	4	100.000	400.000	
316	Phạm Thành Nam	7D	4	100.000	400.000	
317	Trần Bảo Ngọc	7D	4	100.000	400.000	
318	Phan Thị Nguyệt	7D	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ(<i>trẻ em/học sinh/sinh viên</i>)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ(<i>đồng/tháng</i>)	Tổng số tiền học phí để nghị hỗ trợ	Ghi chú
319	Đinh Tấn Nhật	7D	4	100.000	400.000	
320	Đinh Thị Tuyết Nhi	7D	4	100.000	400.000	
321	Bùi Thanh Sơn	7D	4	100.000	400.000	
322	Nguyễn Công Thành	7D	4	100.000	400.000	
323	Đinh Thị Phương Thảo	7D	4	100.000	400.000	
324	Nguyễn Thị Thanh Thảo	7D	4	100.000	400.000	
325	Đinh Đức Thắng	7D	4	100.000	400.000	
326	Bùi Thị Anh Thư	7D	4	100.000	400.000	
327	Nguyễn Thị Anh Thư	7D	4	100.000	400.000	
328	Bùi Thị Huyền Trang	7D	4	100.000	400.000	
329	Vũ Thị Thu Trang	7D	4	100.000	400.000	
330	Vũ Đức Trung	7D	4	100.000	400.000	
331	Vũ Ngọc Tuấn	7D	4	100.000	400.000	
332	Bùi Quang Tuấn	7D	4	100.000	400.000	
333	Vũ Ánh Tuyết	7D	4	100.000	400.000	
334	Đinh Thị Kim Tuyền	7D	4	100.000	400.000	
335	Nguyễn Hồng Vân	7D	4	100.000	400.000	
336	Nguyễn Ngọc Vi	7D	4	100.000	400.000	
337	Nguyễn Tiến Vương	7D	4	100.000	400.000	
338	Bùi Việt Anh	8A	4	100.000	400.000	
339	Vũ Tuấn Anh	8A	4	100.000	400.000	
340	Bùi Thị Cần	8A	4	100.000	400.000	
341	Đoàn Thị Khánh Dương	8A	4	100.000	400.000	
342	Nguyễn Thị Giang	8A	4	100.000	400.000	
343	Vũ Hương Giang	8A	4	100.000	400.000	
344	Vũ Thị Thanh Hà	8A	4	100.000	400.000	
345	Nguyễn Thị Thu Hằng	8A	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ(trẻ em/học sinh/sinh viên)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ(dòng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
346	Đình Ngọc Hân	8A	4	100.000	400.000	
347	Bùi Thu Hoa	8A	4	100.000	400.000	
348	Vũ Thị Thu Hoài	8A	4	100.000	400.000	
349	Trần Thị Hà Huyền	8A	4	100.000	400.000	
350	Dương Quốc Hưng	8A	4	100.000	400.000	
351	Vũ Tiến Hưng	8A	4	100.000	400.000	
352	Bùi Quỳnh Hương	8A	4	100.000	400.000	
353	Nguyễn Quốc Khánh	8A	4	100.000	400.000	
354	Bùi Văn Khương	8A	4	100.000	400.000	
355	Đình Thị Kiều Linh	8A	4	100.000	400.000	
356	Vũ Đình Lương	8A	4	100.000	400.000	
357	Vũ Duy Lượng	8A	4	100.000	400.000	
358	Nguyễn Thị Cẩm Ly	8A	4	100.000	400.000	
359	Nguyễn Thị Khánh Ly	8A	4	100.000	400.000	
360	Bùi Thị Mai	8A	4	100.000	400.000	
361	Đoàn Tiến Mạnh	8A	4	100.000	400.000	
362	Nguyễn Trà My	8A	4	100.000	400.000	
363	Vũ Thị Trà My	8A	4	100.000	400.000	
364	Nguyễn Thị Minh Ngọc	8A	4	100.000	400.000	
365	Hoàng Thị Kim Oanh	8A	4	100.000	400.000	
366	Nguyễn Viêt Phong	8A	4	100.000	400.000	
367	Bùi Minh Quốc	8A	4	100.000	400.000	
368	Bùi Thiện Thành	8A	4	100.000	400.000	
369	Nguyễn Thành Thái	8A	4	100.000	400.000	
370	Đình Thị Ngọc Thủy	8A	4	100.000	400.000	
371	Nguyễn Thị Anh Thư	8A	4	100.000	400.000	
372	Đoàn Hương Trà	8A	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ(<i>trẻ em/học sinh/sinh viên</i>)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ(<i>đồng/tháng</i>)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
373	Bùi Thảo Vi	8A	4	100.000	400.000	
374	Đinh Thị Hà Vi	8A	4	100.000	400.000	
375	Nguyễn Mạnh Việt	8A	4	100.000	400.000	
376	Vũ Quốc Việt	8A	4	100.000	400.000	
377	Vũ Quốc Vương	8A	4	100.000	400.000	
378	Vũ Thị Kim Yến	8A	4	100.000	400.000	
379	Lê Hoàng Vũ	8A	4	100.000	400.000	
380	Phạm Nhật Nam	8A	4	100.000	400.000	
381	Nguyễn Quỳnh Anh	8B	4	100.000	400.000	
382	Vũ Đức Duy	8B	4	100.000	400.000	
383	Vũ Tiến Dũng	8B	4	100.000	400.000	
384	Vũ Thùy Dương	8B	4	100.000	400.000	
385	Nguyễn Thế Đảo	8B	4	100.000	400.000	
386	Bùi Duy Đại	8B	4	100.000	400.000	
387	Đinh Bách Đạt	8B	4	100.000	400.000	
388	Vũ Văn Đạt	8B	4	100.000	400.000	
389	Vũ Văn Diên	8B	4	100.000	400.000	
390	Phạm Văn Diên	8B	4	100.000	400.000	
391	Lê Minh Hiệp	8B	4	100.000	400.000	
392	Nguyễn Thị Mai Hồng	8B	4	100.000	400.000	
393	Bùi Thanh Huyền	8B	4	100.000	400.000	
394	Nguyễn Mạnh Hùng	8B	4	100.000	400.000	
395	Bùi Thu Hương	8B	4	100.000	400.000	
396	Bùi Gia Khánh	8B	4	100.000	400.000	
397	Đinh Quốc Khánh	8B	4	100.000	400.000	
398	Nguyễn Thành Nam	8B	4	100.000	400.000	
399	Vũ Thị Thúy Ngân	8B	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/sinh viên)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
400	Vũ Đức Nhật	8B	4	100.000	400.000	
401	Vũ Thị Kim Oanh	8B	4	100.000	400.000	
402	Vũ Đức Phong	8B	4	100.000	400.000	
403	Bùi Thu Phương	8B	4	100.000	400.000	
404	Bùi Minh Phương	8B	4	100.000	400.000	
405	Vũ Thị Tú Quyên	8B	4	100.000	400.000	
406	Vũ Thị Thanh Hà	8B	4	100.000	400.000	
407	Nguyễn Thị Tâm	8B	4	100.000	400.000	
408	Phạm Ngọc Thành	8B	4	100.000	400.000	
409	Hoàng Văn Thắng	8B	4	100.000	400.000	
410	Vũ Đức Thiện	8B	4	100.000	400.000	
411	Bùi Văn Thuận	8B	4	100.000	400.000	
412	Nguyễn Thị Thanh Thủy	8B	4	100.000	400.000	
413	Bùi Thị Trang	8B	4	100.000	400.000	
414	Nguyễn Văn Triệu	8B	4	100.000	400.000	
415	Nguyễn Quang Trung	8B	4	100.000	400.000	
416	Phạm Ngọc Tú	8B	4	100.000	400.000	
417	Đinh Hoàng Việt	8B	4	100.000	400.000	
418	Nguyễn Quốc Việt	8B	4	100.000	400.000	
419	Phạm Ngọc Hoàn	8B	4	100.000	400.000	
420	Đinh Thị Hà Vy	8B	4	100.000	400.000	
421	Đinh Thị Hồng Xuân	8B	4	100.000	400.000	
422	Nguyễn Tuấn Anh	8C	4	100.000	400.000	
423	Bùi Đức Cường	8C	4	100.000	400.000	
424	Đinh Thị Kim Dung	8C	4	100.000	400.000	
425	Nguyễn Thành Duy	8C	4	100.000	400.000	
426	Bùi Tấn Dũng	8C	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ(<i>trẻ em/học sinh/sinh viên</i>)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ(<i>đồng/tháng</i>)	Tổng số tiền học phí để nghị hỗ trợ	Ghi chú
427	Nguyễn Đại Dương	8C	4	100.000	400.000	
428	Vũ Văn Dương	8C	4	100.000	400.000	
429	Nguyễn Thành Đạt	8C	4	100.000	400.000	
430	Nguyễn Thị Hồng Hà	8C	4	100.000	400.000	
431	Nguyễn Huy Hiệu	8C	4	100.000	400.000	
432	Nguyễn Nguyên Hoàng	8C	4	100.000	400.000	
433	Nguyễn Đức Hùng	8C	4	100.000	400.000	
434	Nguyễn Quang Hưng	8C	4	100.000	400.000	
435	Vũ Thị Diễm Hương	8C	4	100.000	400.000	
436	Nguyễn Quốc Khánh	8C	4	100.000	400.000	
437	Phạm Bích Liên	8C	4	100.000	400.000	
438	Vũ Đức Long	8C	4	100.000	400.000	
439	Bùi Tiến Lực	8C	4	100.000	400.000	
440	Bùi Đức Mạnh	8C	4	100.000	400.000	
441	Phạm Đình Mạnh	8C	4	100.000	400.000	
442	Vũ Quang Minh	8C	4	100.000	400.000	
443	Vũ Quốc Minh	8C	4	100.000	400.000	
444	Đinh Huyền My	8C	4	100.000	400.000	
445	Vũ Thị Hà Nam	8C	4	100.000	400.000	
446	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	8C	4	100.000	400.000	
447	Bùi Thị Minh Nguyệt	8C	4	100.000	400.000	
448	Vũ Thị Bích Nguyệt	8C	4	100.000	400.000	
449	Nguyễn Thanh Nhân	8C	4	100.000	400.000	
450	Nguyễn Thị Yến Nhi	8C	4	100.000	400.000	
451	Nguyễn Thị Kim Oanh	8C	4	100.000	400.000	
452	Nguyễn Hoàng Phương	8C	4	100.000	400.000	
453	Phạm Thị Tú Quyên	8C	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ(trẻ em/học sinh/sinh viên)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ(dòng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
454	Vũ Tiến Thành	8C	4	100.000	400.000	
455	Nguyễn Ngọc Thái	8C	4	100.000	400.000	
456	Đinh Phương Thảo	8C	4	100.000	400.000	
457	Nguyễn Thị Thương	8C	4	100.000	400.000	
458	Nguyễn Minh Thức	8C	4	100.000	400.000	
459	Đinh Thị Trang	8C	4	100.000	400.000	
460	Vũ Thùy Trang	8C	4	100.000	400.000	
461	Đinh Anh Tuấn	8C	4	100.000	400.000	
462	Nguyễn Thị Tươi	8C	4	100.000	400.000	
463	Nguyễn Đức Vinh	8C	4	100.000	400.000	
464	Vũ Thị Kim Tuyến	8C	4	100.000	400.000	
465	Ứng Đăng Khoa	8C	4	100.000	400.000	
466	Bùi Duy Anh	8D	4	100.000	400.000	
467	Đinh Thị Tâm Anh	8D	4	100.000	400.000	
468	Thôi Vũ Phương Anh	8D	4	100.000	400.000	
469	Đinh Ngọc Ánh	8D	4	100.000	400.000	
470	Đinh Thị Bích	8D	4	100.000	400.000	
471	Bùi Lê Dũng	8D	4	100.000	400.000	
472	Đinh Tiến Đạt	8D	4	100.000	400.000	
473	Đinh Thành Dương	8D	4	100.000	400.000	
474	Bùi Thị Minh Giang	8D	4	100.000	400.000	
475	Bùi Vũ Việt Hà	8D	4	100.000	400.000	
476	Đinh Thanh Hà	8D	4	100.000	400.000	
477	Vũ Thị Hằng	8D	4	100.000	400.000	
478	Nguyễn Thị Hoa	8D	4	100.000	400.000	
479	Vũ Thị Hồng Hoa	8D	4	100.000	400.000	
480	Vũ Thị Ngọc Hoa	8D	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ(trẻ em/học sinh/sinh viên)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ(đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
481	Bùi Xuân Hòa	8D	4	100.000	400.000	
482	Nguyễn Hòa Huy	8D	4	100.000	400.000	
483	Đinh Khắc Huy	8D	4	100.000	400.000	
484	Bùi Thị Minh Kiều	8D	4	100.000	400.000	
485	Bùi Thị Ngọc Loan	8D	4	100.000	400.000	
486	Nguyễn Thanh Long	8D	4	100.000	400.000	
487	Đinh Đức Mạnh	8D	4	100.000	400.000	
488	Đinh Văn Mạnh	8D	4	100.000	400.000	
489	Hoàng Duy Mạnh	8D	4	100.000	400.000	
490	Vũ Đức Mạnh	8D	4	100.000	400.000	
491	Đinh Quang Minh	8D	4	100.000	400.000	
492	Nguyễn Thị Kim Ngân	8D	4	100.000	400.000	
493	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	8D	4	100.000	400.000	
494	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	8D	4	100.000	400.000	
495	Đinh Quang Phong A	8D	4	100.000	400.000	
496	Đinh Quang Phong B	8D	4	100.000	400.000	
497	Đoàn Thị Minh Phương	8D	4	100.000	400.000	
498	Bùi Minh Quân	8D	4	100.000	400.000	
499	Nguyễn Hồng Quân	8D	4	100.000	400.000	
500	Nguyễn Thị Như Quỳnh	8D	4	100.000	400.000	
501	Đinh Quang Thắng	8D	4	100.000	400.000	
502	Vũ Đức Thắng	8D	4	100.000	400.000	
503	Vũ Minh Tiến	8D	4	100.000	400.000	
504	Phạm Vũ Thùy Trang	8D	4	100.000	400.000	
505	Đinh Thị Xuân	8D	4	100.000	400.000	
506	Bùi Quang Vinh	8D	4	100.000	400.000	
507	Phạm Quang Vinh	8D	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/sinh viên)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
508	Bùi Thị Hà Anh	9A	4	100.000	400.000	
509	Nguyễn Văn Cảnh	9A	4	100.000	400.000	
510	Vũ Thị Tú Chi	9A	4	100.000	400.000	
511	Đinh Quốc Cường	9A	4	100.000	400.000	
512	Đinh Hoàng Diệp	9A	4	100.000	400.000	
513	Nguyễn Hoàng Duy	9A	4	100.000	400.000	
514	Trần Đăng Duy	9A	4	100.000	400.000	
515	Nguyễn Văn Dương	9A	4	100.000	400.000	
516	Vũ Tùng Dương	9A	4	100.000	400.000	
517	Bùi Tiến Đạt	9A	4	100.000	400.000	
518	Phạm Bảo Hân	9A	4	100.000	400.000	
519	Phan Thị Giang	9A	4	100.000	400.000	
520	Đinh Việt Huy	9A	4	100.000	400.000	
521	Đinh Thu Hương	9A	4	100.000	400.000	
522	Đinh Thị Tuyết Lan	9A	4	100.000	400.000	
523	NgThị Thùy Linh	9A	4	100.000	400.000	
524	Nguyễn Thị Ánh Mai	9A	4	100.000	400.000	
525	Nguyễn Duy Hưng	9A	4	100.000	400.000	
526	Vũ Thị Nga	9A	4	100.000	400.000	
527	Bùi Thị Hồng Ngân	9A	4	100.000	400.000	
528	Ng Thị Bích Ngọc	9A	4	100.000	400.000	
529	Đinh Minh Nguyệt	9A	4	100.000	400.000	
530	Nguyễn Phi Nhung	9A	4	100.000	400.000	
531	Lê Quỳnh Như	9A	4	100.000	400.000	
532	Nguyễn Hà Phương	9A	4	100.000	400.000	
533	Vũ Thị Thanh Mai	9A	4	100.000	400.000	
534	Vũ Thị Bích Phượng	9A	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/sinh viên)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
535	Vũ Duy Quang	9A	4	100.000	400.000	
536	Nguyễn Tú Quyên	9A	4	100.000	400.000	
537	Vũ Thị Phương Thảo	9A	4	100.000	400.000	
538	Ng Minh Phương	9A	4	100.000	400.000	
539	Bùi Ngọc Thắng	9A	4	100.000	400.000	
540	Nguyễn Hoàng Quân	9A	4	100.000	400.000	
541	Đinh Anh Thơ	9A	4	100.000	400.000	
542	Đinh Thị Mai Thùy	9A	4	100.000	400.000	
543	Nguyễn Anh Thư	9A	4	100.000	400.000	
544	Nguyễn Văn Tiến	9A	4	100.000	400.000	
545	Vũ Đức Tiến	9A	4	100.000	400.000	
546	Bùi Đức Việt	9A	4	100.000	400.000	
547	Nguyễn Văn Ngà	9A	4	100.000	400.000	
548	Đinh Gia Khang	9A	4	100.000	400.000	
549	Bùi Thị Thùy Dương	9B	4	100.000	400.000	
550	Đinh Quang Diên	9B	4	100.000	400.000	
551	Bùi Trang Giang	9B	4	100.000	400.000	
552	Đinh Ngọc Hà	9B	4	100.000	400.000	
553	Nguyễn Thành Đạt	9B	4	100.000	400.000	
554	Nguyễn Quang Huy	9B	4	100.000	400.000	
555	Đinh Văn Đoàn	9B	4	100.000	400.000	
556	Nguyễn Mạnh Hùng	9B	4	100.000	400.000	
557	Vũ Việt Hùng	9B	4	100.000	400.000	
558	Phạm Tuấn Hưng	9B	4	100.000	400.000	
559	Nguyễn Trung Hiếu	9B	4	100.000	400.000	
560	Phạm Hà Linh	9B	4	100.000	400.000	
561	Đinh Quốc Huy	9B	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ(trẻ em/học sinh/sinh viên)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ(đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
562	Nguyễn Duy Mạnh	9B	4	100.000	400.000	
563	Vũ Hà My	9B	4	100.000	400.000	
564	Nguyễn Việt Hưng	9B	4	100.000	400.000	
565	Đinh Thị Yến Nga	9B	4	100.000	400.000	
566	Đinh Bảo Ngọc	9B	4	100.000	400.000	
567	Nguyễn Thị Bích Ngọc	9B	4	100.000	400.000	
568	Nguyễn Hồng Nhung	9B	4	100.000	400.000	
569	Nguyễn Thị Lý	9B	4	100.000	400.000	
570	Hoàng Quỳnh Như	9B	4	100.000	400.000	
571	Bùi Đăng Quang	9B	4	100.000	400.000	
572	Nguyễn Hoàng Quân	9B	4	100.000	400.000	
573	Nguyễn Minh Quân	9B	4	100.000	400.000	
574	Vũ Mạnh Tiền	9B	4	100.000	400.000	
575	Đinh Công Sáng	9B	4	100.000	400.000	
576	Bùi Thị Hồng Nhung	9B	4	100.000	400.000	
577	Đinh Phương Thảo	9B	4	100.000	400.000	
578	Đinh Anh Tiến	9B	4	100.000	400.000	
579	Đinh Đức Tiến	9B	4	100.000	400.000	
580	Hoàng Minh Thi	9B	4	100.000	400.000	
581	Nguyễn Văn Tiến	9B	4	100.000	400.000	
582	Bùi Thị Quỳnh Trang	9B	4	100.000	400.000	
583	Bùi Lê Huỳnh Trần	9B	4	100.000	400.000	
584	Vũ Thị Tuyết	9B	4	100.000	400.000	
585	Nguyễn Đăng Vinh	9B	4	100.000	400.000	
586	Nguyễn Hoàng Yến	9B	4	100.000	400.000	
587	Vũ Thị Ánh Dương	9B	4	100.000	400.000	
588	Vũ Tuấn Anh	9C	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/sinh viên)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
589	Bùi Thu Chinh	9C	4	100.000	400.000	
590	Bùi Quang Cường	9C	4	100.000	400.000	
591	Nguyễn Tấn Duy	9C	4	100.000	400.000	
592	Nguyễn Tiến Đạt	9C	4	100.000	400.000	
593	Bùi Quốc Định	9C	4	100.000	400.000	
594	Bùi Trà Giang	9C	4	100.000	400.000	
595	Hoàng Đức Hải	9C	4	100.000	400.000	
596	Vũ Thị Hồng Hải	9C	4	100.000	400.000	
597	Bùi Duy Hiếu	9C	4	100.000	400.000	
598	Nguyễn Lê Công Hiếu	9C	4	100.000	400.000	
599	Đinh Việt Hoàng	9C	4	100.000	400.000	
600	Bùi Gia Huy	9C	4	100.000	400.000	
601	Bùi Tuấn Hưng	9C	4	100.000	400.000	
602	Bùi Thị Hương	9C	4	100.000	400.000	
603	Đinh Trung Kiên	9C	4	100.000	400.000	
604	Bùi Nguyễn Phương Lan	9C	4	100.000	400.000	
605	Lê Thuý Linh	9C	4	100.000	400.000	
606	Nguyễn Thành Long	9C	4	100.000	400.000	
607	Đinh Thị Xuân Mai	9C	4	100.000	400.000	
608	Đinh Duy Mạnh	9C	4	100.000	400.000	
609	Vũ Tuấn Minh	9C	4	100.000	400.000	
610	Lê Thị Ngọc	9C	4	100.000	400.000	
611	Nguyễn Thị Bích Ngọc	9C	4	100.000	400.000	
612	Nguyễn Văn Nha	9C	4	100.000	400.000	
613	Nguyễn Đức Anh Nhật	9C	4	100.000	400.000	
614	Đinh Thị Kim Oanh	9C	4	100.000	400.000	
615	Vũ Thành Phú	9C	4	100.000	400.000	

TT	Họ và tên đối tượng hưởng hỗ trợ (trẻ em/học sinh/sinh viên)	Nhóm/ Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
616	Phạm Thị Thanh Phương	9C	4	100.000	400.000	
617	Bùi Thị Phương	9C	4	100.000	400.000	
618	Vũ Văn Quang	9C	4	100.000	400.000	
619	Nguyễn Mạnh Tài	9C	4	100.000	400.000	
620	Đinh Thị Thanh	9C	4	100.000	400.000	
621	Vũ Tuấn Thành	9C	4	100.000	400.000	
622	Đinh Thị Phương Thảo	9C	4	100.000	400.000	
623	Nguyễn Thị Thảo	9C	4	100.000	400.000	
624	Bùi Đức Trọng	9C	4	100.000	400.000	
625	Bùi Thành Trung	9C	4	100.000	400.000	
626	Đinh Văn Trung	9C	4	100.000	400.000	
627	Nguyễn Thị Tuyết	9C	4	100.000	400.000	
628	Đinh Quang Vỹ	9C	4	100.000	400.000	
629	Nguyễn Yên Nhi	9C	4	100.000	400.000	
	Tổng cộng:				251.600.000	

Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ là: 251.600.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng)

Hiệp Hòa, ngày 03 tháng 11 năm 2022

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

(Ký, ghi rõ họ và tên)



Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

P. HIỆU TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu)



Đào Thị Hà